

Số: 326 /TBHH-CVHHHP

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

## THÔNG BÁO HÀNG HẢI

### Về thông số kỹ thuật của vùng nước kết nối, vùng quay tàu, vùng neo đậu sà lan và vùng nước trước cảng than - Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng

Vùng biển : Hải Phòng  
Tên luồng : Hải Phòng  
Tên đoạn luồng : Sông Giá - Phà Rừng.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; khoản 18 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 395/QĐ-CHHVN ngày 23/3/2020 của Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam) về việc công bố danh mục định kỳ khảo sát thông báo hàng hải các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, khu neo đậu chuyển tải chuyên dùng và vùng nước trước bến cảng.

Xét đơn đề nghị số 7946/NĐHP-KTAT ngày 20/10/2025 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng thông báo thông số kỹ thuật của vùng nước kết nối, vùng quay tàu, vùng neo đậu sà lan và vùng nước trước cảng than - Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" như sau:

#### 1. Vùng nước từ khu vực tiếp giáp luồng hàng hải Phà Rừng vào đến bến neo đậu sà lan:

Trong phạm vi hành hải rộng 50m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu đạt: 0.3m (không mét ba trên mực nước số "0" Hải đồ).

#### 2. Vùng nước quay tàu:

Trong phạm vi vùng sử dụng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn bán kính 90m, tâm có tọa độ:

| Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|-------------|--------------|-------------|--------------|
| Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| 20°56'39.9" | 106°45'41.3" | 20°56'36.3" | 106°45'48.1" |

Độ sâu đạt: 1.0m (một mét).

### 3. Bến neo đậu sà lan:

#### 3.1. Bến neo đậu sà lan SL1, SL2, SL3, SL4:

Trong phạm vi bến neo đậu sà lan được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| SL3      | 20°56'34.6" | 106°45'51.7" | 20°56'31.0" | 106°45'58.4" |
| SL4      | 20°56'39.9" | 106°45'45.3" | 20°56'36.3" | 106°45'52.1" |
| SL5      | 20°56'36.2" | 106°45'42.2" | 20°56'32.6" | 106°45'49.0" |
| SL6      | 20°56'31.1" | 106°45'48.4" | 20°56'27.5" | 106°45'55.2" |

Độ sâu đạt: 2.5m (hai mét rưỡi).

- Lưu ý: Điểm cạn có độ sâu 2.1m, nằm trong khu vực bến neo đậu sà lan SL1.

#### 3.2. Bến neo đậu sà lan SL5, SL6:

Trong phạm vi bến neo đậu sà lan được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| SL1      | 20°56'41.8" | 106°45'46.8" | 20°56'38.2" | 106°45'53.6" |
| SL2      | 20°56'36.4" | 106°45'53.3" | 20°56'32.8" | 106°46'00.1" |
| SL3      | 20°56'34.6" | 106°45'51.7" | 20°56'31.0" | 106°45'58.4" |
| SL4      | 20°56'39.9" | 106°45'45.3" | 20°56'36.3" | 106°45'52.1" |

Độ sâu đạt: 2.5m (hai mét rưỡi).

### 4. Vùng nước trước cảng than:

#### 4.1. Vùng nước trước cầu số 1:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN1      | 20°56'44.1" | 106°45'29.1" | 20°56'40.5" | 106°45'35.9" |
| KN2      | 20°56'43.1" | 106°45'28.8" | 20°56'39.5" | 106°45'35.6" |
| KN3      | 20°56'42.0" | 106°45'30.6" | 20°56'38.4" | 106°45'37.3" |
| KN4      | 20°56'42.8" | 106°45'31.2" | 20°56'39.2" | 106°45'37.9" |

Độ sâu đạt: 0.3m (không mét ba).

#### 4.2. Vùng nước trước cầu số 2:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN3      | 20°56'42.0" | 106°45'30.6" | 20°56'38.4" | 106°45'37.3" |

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN4      | 20°56'42.8" | 106°45'31.2" | 20°56'39.2" | 106°45'37.9" |
| KN5      | 20°56'41.8" | 106°45'32.7" | 20°56'38.2" | 106°45'39.5" |
| KN6      | 20°56'41.0" | 106°45'32.1" | 20°56'37.4" | 106°45'38.9" |

Độ sâu đạt: 0.6m (không mét sáu).

#### 4.3. Vùng nước trước cầu số 3:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN5      | 20°56'41.8" | 106°45'32.7" | 20°56'38.2" | 106°45'39.5" |
| KN6      | 20°56'41.0" | 106°45'32.1" | 20°56'37.4" | 106°45'38.9" |
| KN7      | 20°56'40.0" | 106°45'33.7" | 20°56'36.4" | 106°45'40.4" |
| KN8      | 20°56'40.8" | 106°45'34.3" | 20°56'37.2" | 106°45'41.1" |

Độ sâu đạt: 0.6m (không mét sáu).

#### 4.4. Vùng nước trước cầu số 4:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN7      | 20°56'40.0" | 106°45'33.7" | 20°56'36.4" | 106°45'40.4" |
| KN8      | 20°56'40.8" | 106°45'34.3" | 20°56'37.2" | 106°45'41.1" |
| KN9      | 20°56'39.8" | 106°45'35.8" | 20°56'36.2" | 106°45'42.6" |
| KN10     | 20°56'39.0" | 106°45'35.2" | 20°56'35.4" | 106°45'42.0" |

Độ sâu đạt: 0.5m (không mét năm).

#### 4.5. Vùng nước trước cầu số 5:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN9      | 20°56'39.8" | 106°45'35.8" | 20°56'36.2" | 106°45'42.6" |
| KN10     | 20°56'39.0" | 106°45'35.2" | 20°56'35.4" | 106°45'42.0" |
| KN11     | 20°56'38.0" | 106°45'36.8" | 20°56'34.4" | 106°45'43.5" |
| KN12     | 20°56'38.8" | 106°45'37.3" | 20°56'35.2" | 106°45'44.1" |

Độ sâu đạt: 0.9m (không mét chín).

#### 4.6. Vùng nước trước cầu số 6:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN11     | 20°56'38.0" | 106°45'36.8" | 20°56'34.4" | 106°45'43.5" |
| KN12     | 20°56'38.8" | 106°45'37.3" | 20°56'35.2" | 106°45'44.1" |
| KN13     | 20°56'37.8" | 106°45'38.9" | 20°56'34.2" | 106°45'45.7" |
| KN14     | 20°56'37.0" | 106°45'38.3" | 20°56'33.4" | 106°45'45.1" |

Độ sâu đạt: 0.8m (không mét tám).

#### 4.7. Vùng nước trước cầu số 7:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN13     | 20°56'37.8" | 106°45'38.9" | 20°56'34.2" | 106°45'45.7" |
| KN14     | 20°56'37.0" | 106°45'38.3" | 20°56'33.4" | 106°45'45.1" |
| KN15     | 20°56'36.0" | 106°45'39.8" | 20°56'32.4" | 106°45'46.6" |
| KN16     | 20°56'36.9" | 106°45'40.4" | 20°56'33.3" | 106°45'47.2" |

Độ sâu đạt: 0.8m (không mét tám).

#### 4.8. Vùng nước trước cầu số 8:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN15     | 20°56'36.0" | 106°45'39.8" | 20°56'32.4" | 106°45'46.6" |
| KN16     | 20°56'36.9" | 106°45'40.4" | 20°56'33.3" | 106°45'47.2" |
| KN17     | 20°56'35.8" | 106°45'42.0" | 20°56'32.3" | 106°45'48.8" |
| KN18     | 20°56'35.0" | 106°45'41.4" | 20°56'31.4" | 106°45'48.2" |

Độ sâu đạt: 0.7m (không mét bảy).

#### 4.9. Vùng nước trước cầu số 9:

Trong phạm vi vùng nước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

| Tên điểm | Hệ VN-2000  |              | Hệ WGS-84   |              |
|----------|-------------|--------------|-------------|--------------|
|          | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  | Vĩ độ (N)   | Kinh độ (E)  |
| KN17     | 20°56'35.8" | 106°45'42.0" | 20°56'32.3" | 106°45'48.8" |
| KN18     | 20°56'35.0" | 106°45'41.4" | 20°56'31.4" | 106°45'48.2" |
| KN19     | 20°56'33.9" | 106°45'43.1" | 20°56'30.3" | 106°45'49.9" |
| KN20     | 20°56'34.2" | 106°45'44.6" | 20°56'30.6" | 106°45'51.4" |

Độ sâu đạt: 0.7m (không mét bảy).

*Ghi chú:* Số liệu độ sâu để Thông báo hàng hải do Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng cung cấp trên cơ sở thực hiện khảo sát bởi Công ty TNHH Đầu tư TMKT

*Xây dựng Sông Tích. Truy cập bản tin Thông báo hàng hải điện tử tại địa chỉ*  
<https://cangvuhaiphong.gov.vn/>

**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Bộ tư lệnh Hải Quân;
- Bộ tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;
- Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam;
- Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam;
- Hiệp hội cảng biển Việt Nam;
- BCH Bộ đội Biên phòng Tp. Hải Phòng;
- Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng HP;
- Phòng Cảnh sát giao thông - CATPHP;
- Cảng vụ đường thủy nội địa Khu vực I;
- Cảng vụ đường thủy nội địa HP - Sở Xây dựng;
- Tổng Cty ĐATHH Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc;
- Trung tâm PHTKCN hàng hải KV I;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam  
(để th/báo trên đài chuyên hải);
- Các doanh nghiệp cảng biển, bến thủy nội địa;
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng TCHC (để đăng lên Website);
- Phòng TTTT (gửi các chủ tàu, đại lý, thuyền trưởng  
tàu biển);
- Phòng ĐPGTHH (để th/báo, hướng dẫn tàu thuyền);
- Phòng ATANHH (để ph/hợp);
- Lưu: VT, QLKCHT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Thuận**